

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, ông Nguyễn Minh N trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Thời gian đầu chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân và mỗi người đã có cuộc sống riêng nên ông Nguyễn Minh N yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D.

Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 16/11/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà D. Khi ly hôn, ông N giao cháu Khánh T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét.

Về chia tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn bà Trần Thị D:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông Nguyễn Minh N yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn – Ông Nguyễn Minh N trình bày: Vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, ngoài ra ông N tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp hàng tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

Bị đơn – Bà Trần Thị D trình bày: Thời điểm kết hôn và việc đăng ký kết hôn đúng như ông N trình bày, mâu thuẫn giữa vợ chồng là có xảy ra nguyên nhân do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của ông N, bà D đồng ý ly hôn. Bà D đồng ý nuôi con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, nếu ông N không đồng ý mức cấp dưỡng này thì bà D không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D. Về con chung giao bà D nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông N, về tài sản chung và công nợ không giải quyết, các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Ông Nguyễn Minh N yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D, yêu cầu nuôi con chung, và cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà D cư trú tại khóm D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương. Đến năm 2014 hôn nhân mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; giấy chứng

nhận kết hôn số: 43/2014, quyền số 01/2014 ngày 17/4/2024, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông N cho rằng, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi dẫn đến xô xát nên ông N yêu cầu ly hôn với bà D; bà D cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của ông N, bà D đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 16/11/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà D. Khi ly hôn, ông N và bà D thống nhất giao cháu Khánh T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Nguyễn Trần Khánh T cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông N tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp hàng tháng kể từ ngày án có hiệu lực. Bà Trần Thị D không đồng ý mức cấp dưỡng do ông N đặt ra, bà D yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, nếu ông N không đồng ý mức cấp dưỡng này thì bà D không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng các đương sự không thỏa thuận được mức cấp dưỡng cho con; bà D yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng tuy nhiên bà không chứng minh được thu nhập, khả năng thực tế của ông N và nhu cầu thiết yếu của cháu T vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận mức cấp dưỡng cho con của ông N. Buộc ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp hàng tháng (vào đầu tháng), thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Nguyễn Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng, ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ông N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và được xem xét tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D.

Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 16/11/2014 (nữ), hiện nay đang sống với bà D. Khi ly hôn, giao cháu Khánh T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Khánh T mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp hàng tháng (vào đầu tháng), thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Nguyễn Minh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thi hành án.

Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng, ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh N phải chịu 300.000 đồng,

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, ông Nguyễn Minh N đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền 0013862 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, ông N phải nộp thêm 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND phường 5, thành phố Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền